

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH BẮC KẠN**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 25/3/2025.

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI - TỈNH BẮC KẠN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Triệu Thị Vang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Tiến Tùng** và ông **Phạm Văn Ngọ**

Thư ký phiên toà: Bà **Lưu Thị Quỳnh** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Bà **Đinh Thị Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2024/TLST - HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST - HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Lục Thanh T** - sinh năm 2001. Địa chỉ: thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt có lý do, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: anh **Bàn Văn C** - sinh năm 1994. Địa chỉ: thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt không có lý do).

3. Những người làm chứng:

- Ông **Lục Văn K**, sinh năm 1978. Địa chỉ: thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Bà **Triệu Thị N**, sinh năm 1971; Địa chỉ: thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

(Tất cả những người làm chứng, Tòa không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn xin ly hôn ngày 25 tháng 9 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn Lục Thanh T trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Giữa chị và anh Bàn Văn C có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 17/8/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chị cùng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh C ở thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống, vợ chồng chỉ hòa thuận hạnh phúc được khoảng 02

năm, đến khoảng 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cãi vã. Mâu thuẫn phát sinh từ việc anh C chơi cờ bạc tài xỉu, ngoại tình, không có ý thức làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, gia đình. Bên cạnh đó anh C còn nhiều lần có hành vi bạo lực đối với chị, trầm trọng nhất là ngày 10.6.2024 (âm lịch), anh C đánh chị thậm tệ, phải điều trị ở trạm xá, vụ việc ngày 10.6.2024 chị có báo Công an xã T lập biên bản ghi nhận sự việc. Ngoài việc bạo lực gia đình thì anh C còn có nhiều hành vi xúc phạm chị, làm tổn hại đến danh dự nhân phẩm, tổn thất tinh thần chị như nhắn tin chửi bới xúc phạm, lấy hình ảnh cá nhân của chị đăng lên các hội nhóm bôi nhọ chị... ảnh hưởng nặng nề đến đời sống tinh thần của chị. Chị và anh C đã ly thân từ tháng 5/2024 đến nay. Quá trình đó chị và anh C mỗi người một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Con chung hiện nay đang ở với chị nhưng anh C cũng không có ý thức quan tâm đến con chung. Mâu thuẫn giữa chị và anh C có bố mẹ đẻ của anh C (bố chồng hiện đã chết, mẹ chồng chị là Triệu Thị N (1971) hiện ở thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn) biết, ngoài ra thì phía gia đình bố mẹ đẻ chị (bố mẹ đẻ chị là Lục Văn K (1978) và Hà Thị P (1981) hiện ở thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn) cũng biết. Vợ chồng chị không tham gia sinh hoạt đoàn thể, chị cũng không muốn mở rộng chuyện của cá nhân gia đình nên không đề nghị thôn xóm chính quyền hòa giải mâu thuẫn. Chị, anh C, cũng như gia đình hai bên không tìm được tiếng nói chung trong việc giải quyết mâu thuẫn. Nay chị xét thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn giữa chị và anh C đã trầm trọng, đời sống chung giữa chị và anh C không thể tiếp tục, không còn yêu thương chăm sóc gần bó chia sẻ giúp đỡ nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

- **Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:** Chị và anh C có 01 (một) con chung là Bàn Hữu C1, sinh ngày 05/10/2020 hiện ở với chị, con khỏe mạnh phát triển bình thường. Nếu được ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi con vì hiện nay chị có điều kiện sống ổn định (cùng chung sống với bố mẹ đẻ ở thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nên bố mẹ chị cũng giúp được chị nhiều trong việc nuôi dưỡng con), bố mẹ đẻ chị đồng ý cho chị và con trai cùng chung sống và hỗ trợ chị trong việc nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục con cái. Chị vẫn thường xuyên đi về để thăm nom con cái, từ nhỏ con chị thường xuyên sống cùng chị, thời gian vừa qua con chị sinh sống ổn định với chị ở gia đình bố mẹ đẻ chị, thời gian đó anh C không hề có ý thức trách nhiệm quan tâm đến việc ăn ở sinh hoạt phát triển của con chung. Chị có công việc và thu nhập ổn định (hiện chị làm công nhân, lương mỗi tháng trung bình 8 – 9 triệu đồng), các điều kiện sống cũng như thu nhập của chị đủ để đảm bảo cho việc nuôi sống và phát triển cho con chung, ngoài ra điều kiện kinh tế phía gia đình anh C cũng khó khăn hơn gia đình chị (gia đình anh C thuộc hộ nghèo). Do đó con chung ở với chị sẽ

đảm bảo điều kiện sống và phát triển cho con chung hơn. Chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung:** Chị và anh C không có tài sản chung.

- **Về vay nợ chung:** Chị và anh C không có vay nợ chung.

* Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên hoà giải cho anh C theo địa chỉ thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn nhưng không thấy anh C có ý kiến bằng văn bản gửi cho Toà án, anh C cũng không đến Toà án tham gia tố tụng. Toà án đã nhiều lần đến địa chỉ nhà anh C để giao, tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng không lần nào gặp được anh C. Chính vì vậy, Toà án không thể thực hiện được việc cấp, tổng đạt, thông báo các giấy tờ, văn bản tố tụng cho anh C. Để đảm bảo quyền lợi của đương sự và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự: Toà án đã tiến hành xác minh, niêm yết công khai thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà. Ngoài ra Toà án cũng tiến hành làm việc với bà Triệu Thị N (là mẹ đẻ của C), bà N đã nhận thay anh C các văn bản tố tụng của Toà án và đã chuyển cho anh C, anh C đã biết và hiểu rõ yêu cầu khởi kiện của chị T.

* Tại phiên toà:

- Đại diện viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì về tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử căn cứ: khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147/BLTTDS; khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Lục Thanh T:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lục Thanh T được ly hôn với anh Bàn Văn C.

+ Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung Bàn Hữu C1, sinh ngày 05/10/2020 cho chị Lục Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung Bàn Hữu C1 đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không có.

+ Về án phí: đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, hội đồng xét xử nhận định:

[I] **Về thủ tục tố tụng:** Nguyên đơn Lục Thanh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn Bàn Văn C đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2, điều 227; khoản 1, Điều 228/BLTTDS tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn Lục Thanh T, bị đơn Bàn Văn C.

[II] Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lục Thanh T và anh Bàn Văn C kết hôn ngày 17/8/2020 trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn, giữa chị T và anh C đã từng có thời gian chung sống hoà thuận, tuy nhiên đến khoảng năm 2023 giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, xô xát và ngày càng trở nên trầm trọng, vợ chồng bất đồng quan điểm nhiều vấn đề và không thể tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đến tháng 5 năm 2024 thì chị T và anh C chính thức ly thân cho đến nay. Quá trình ly thân, chị T và anh C mỗi người một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, anh chị không còn yêu thương chăm sóc, gắn bó, chia sẻ, giúp đỡ nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn giữa chị T và anh C có bố đẻ của chị T là ông Lục Văn K, mẹ đẻ của anh C là bà Triệu Thị N biết. Nay chị T khẳng định không còn tình cảm với anh C nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C. Như vậy, phải khẳng định rằng mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C đã có nhiều mâu thuẫn xảy ra, ngày càng trầm trọng, anh chị không còn tiếng nói chung, với tình trạng cuộc sống như vậy, xét thấy có vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, về tình nghĩa vợ chồng – vợ chồng anh chị không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ cuộc sống, hôn nhân giữa chị T và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần thiết chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh C.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh C có 01 (Một) con chung là Bàn Hữu C1, sinh ngày 05/10/2020, con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hội đồng xét xử xét thấy lâu nay chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con, để đảm bảo cho cháu được phát triển lành mạnh, ổn định về mọi mặt, hơn nữa chị T có thu nhập ổn định – cụ thể chị T làm công nhân, thu nhập trung bình khoảng 8.000.000đ – 9.000.000đ/01 tháng. Tòa án không tiến hành làm việc được với anh C, anh C không cung cấp thông tin cho Tòa án nên Tòa án không xác định được cụ thể về điều kiện nuôi con của anh C. Do vậy, xét về điều kiện nuôi con của chị T là đảm bảo, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T: Giao con chung Bàn Hữu C1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Chị T và anh C không có tài sản chung

[4] Về vay nợ chung: Chị T và anh C không có vay nợ chung.

[5] Về án phí: Nguyên đơn Lục Thanh T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4, Điều 147/BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

[III] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật - được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 Điều 228/BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5, Điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Lục Thanh T: Chị Lục Thanh T được ly hôn anh Bàn Văn C.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Giao con chung: Bàn Hữu C1, sinh ngày 05/10/2020 cho chị Lục Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung Bàn Hữu C1 đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh C không có tài sản chung.

4. Về vay nợ chung: Chị T và anh C không có vay nợ chung.

5. Về án phí: Chị Lục Thanh T phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0001891, ngày 10/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn Lục Thanh T, bị đơn Bàn Văn C – đều vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAT: 1
- VKST: 1
- VKSCM: 2
- UBND xã Tân Sơn (Nơi ĐKKH): 1
- THACM: 1
- Các ĐS: 2
- Lưu HS: 1
- Lưu VP: 1.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thị Vang